

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN

kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025)
và Quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2025)

I. CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 - SỰ KIỆN VĨ ĐẠI TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC VIỆT NAM

1. Bối cảnh lịch sử

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, cục diện thế giới thay đổi nhanh chóng. Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc với ưu thế áp đảo nghiêng về phe Đồng minh. Tại châu Âu, Hồng quân Liên Xô phối hợp với quân đội các nước Anh, Mỹ, Pháp, Canada... liên tiếp giành thắng lợi, giải phóng nhiều quốc gia và tiến vào Béclin. Ngày 9/5/1945, phát xít Đức đầu hàng vô điều kiện, chiến tranh ở châu Âu kết thúc. Tại châu Á - Thái Bình Dương, quân đội phát xít Nhật rơi vào thế bị bao vây, uy hiếp nặng nề. Ngày 8/8/1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật, nhanh chóng đánh bại đạo quân Quan Đông, giải phóng vùng Đông Bắc Trung Quốc và Bắc Triều Tiên. Ngày 14/8/1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, chiến tranh thế giới lần thứ hai chính thức chấm dứt.

Tình hình ấy mở ra một bước ngoặt có ý nghĩa chiến lược đối với cách mạng Việt Nam. Trung ương Đảng nhận định: đây là thời cơ “ngàn năm có một” để nhân dân ta vùng lên giành lại độc lập. Trong khi quân Đồng minh chưa kịp vào Đông Dương làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật, thực dân Pháp đã gấp tâm quay trở lại, tìm cách dựa vào Đồng minh, còn các thế lực khác cũng bắt đầu can thiệp; nếu không chớp lấy cơ hội này, vận hội dân tộc có thể bị bỏ lỡ.

Ngay từ ngày 9/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã họp khẩn, ra chủ trương phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước rộng khắp. Ngày 12/3/1945, Trung ương ban hành Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, khẳng định: “Đây là thời cơ tốt để nhân dân ta vùng lên giành độc lập”.

Tháng 4/1945, Trung ương triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ, thống nhất các lực lượng vũ trang thành Việt Nam Giải phóng quân. Ngày 16/4, Tổng bộ Việt Minh chỉ đạo thành lập các Ủy ban dân tộc giải phóng từ Trung ương đến địa phương. Đầu tháng 5/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Cao Bằng về Tuyên Quang, chọn Tân Trào làm căn cứ chỉ đạo toàn quốc. Ngày 4/6/1945, Khu Giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập. Từ giữa năm 1945, cao trào kháng Nhật cứu nước lan rộng, phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần diễn ra mạnh mẽ tại nhiều địa phương trên cả nước.

2. Diễn biến

Khi thời cơ cách mạng đã chín muồi, ngày 13/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc được thành lập và ngay trong ngày đã ra Quân lệnh số 1, phát động tổng khởi nghĩa trên toàn quốc.

Ngày 16/8/1945, Quốc dân đại hội họp tại Tân Trào thông qua Mười chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh, phê chuẩn Lệnh tổng khởi nghĩa, thống nhất

quốc kỳ nền đỏ sao vàng năm cánh, chọn “Tiến quân ca” làm quốc ca, và cử ra Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam (tức là Chính phủ Lâm thời cách mạng Việt Nam) do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Cùng thời điểm đó, Người gửi thư kêu gọi toàn dân, nhấn mạnh: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

Từ ngày 14/8/1945, tại nhiều địa phương, các cấp bộ Đảng và Việt Minh đã chủ động phát động khởi nghĩa trước khi nhận được lệnh chính thức, căn cứ vào tình hình cụ thể và tinh thần Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Các cuộc khởi nghĩa nổ ra ở khắp nơi: từ các huyện, xã vùng đồng bằng Bắc Bộ đến các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Thừa Thiên Huế, Khánh Hòa...

Chiều 16/8/1945, theo chỉ đạo của Ủy ban Khởi nghĩa, một đơn vị Giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy xuất phát từ Tân Trào, tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên - mở màn cho chiến dịch quân sự hỗ trợ tổng khởi nghĩa. Cùng lúc, lực lượng vũ trang Chiến khu Trần Hưng Đạo phối hợp đánh chiếm các địa phương như Hải Ninh, Quảng Yên, Kiến An; ở miền Trung, lực lượng cách mạng tại Quảng Ngãi chiếm dinh tỉnh trưởng ngay trong đêm 16/8 - chính quyền tay sai sụp đổ không kịp trở tay.

Ngày 18/8/1945, các tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam là những địa phương đầu tiên giành được chính quyền tại tỉnh lỵ - tạo khí thế bùng bùng khắp cả nước.

Tại Hà Nội, chiều 17/8/1945, hàng vạn quân chúng từ nội, ngoại thành tham gia mít tinh lớn tại Nhà hát Lớn, rồi tuần hành qua các phố trung tâm, hô vang khẩu hiệu “Ủng hộ Việt Minh!”, “Việt Nam độc lập!”. Ngày 18/8/1945, cờ đỏ sao vàng rực rỡ trên nhiều tuyến phố chính. Đỉnh cao là ngày 19/8/1945: cuộc tổng khởi nghĩa nổ ra với khí thế áp đảo. Các đội tự vệ chiến đấu và quần chúng cách mạng chiếm phủ Khâm sai Bắc Bộ, Sở Cảnh sát, Sở Bưu điện, Trại Bảo an binh...; chính quyền Bảo Đại - Trần Trọng Kim tan rã. Đêm 19/8/1945, chúng ta hoàn toàn làm chủ Thủ đô.

Ở Huế, ngày 20/8/1945, Ủy ban Khởi nghĩa tỉnh được thành lập. Từ ngày 21/8/1945, hàng loạt cuộc biểu tình thị uy diễn ra, tạo thế áp đảo. Ngày 23/8/1945, hàng vạn người tiến vào thành phố, chiếm các công sở trọng yếu và giành chính quyền trong hòa bình.

Tại Sài Gòn - Gia Định, Xứ ủy Nam Kỳ ấn định ngày khởi nghĩa là 25/8/1945. Sáng hôm đó, các đoàn công nhân, nông dân, thanh niên từ Gia Định, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Mỹ Tho đổ về trung tâm thành phố. Quần chúng chiếm lĩnh Sở Mật thám, Sở Cảnh sát, Bưu điện, nhà ga, nhà máy điện... chính quyền bù nhìn nhanh chóng sụp đổ, chính quyền cách mạng được thiết lập.

Thắng lợi vang dội tại ba đô thị lớn: Hà Nội, Huế, Sài Gòn đã tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ. Từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi đến miền ngược, từ đất liền đến hải đảo - phong trào khởi nghĩa dâng lên như vũ bão. Tại Côn Đảo - nơi

từng được mệnh danh là “địa ngục trần gian”, nơi giam giữ hàng ngàn chiến sĩ cách mạng kiên trung - khi nhận được tin phát xít Nhật đầu hàng và cuộc Tổng khởi nghĩa đang lan rộng trong cả nước, tổ chức Đảng trong nhà tù đã nhanh chóng họp bàn, tổ chức lực lượng, lãnh đạo tù nhân nổi dậy. Tại Phú Quốc, dưới sự lãnh đạo của tổ chức Việt Minh, tù chính trị cùng quần chúng nhân dân trên đảo cũng vùng lên lật đổ chính quyền thân Nhật, thiết lập chính quyền cách mạng. Ở nhiều đảo khác như Lý Sơn, Cát Bà, Bạch Long Vĩ, Hòn Gai, Vân Đồn..., phong trào khởi nghĩa hưởng ứng Tổng khởi nghĩa Tháng Tám cũng diễn ra mạnh mẽ, đồng thời với các địa phương trên đất liền, thể hiện tinh thần yêu nước sục sôi, ý chí tự lực, tự cường và khát vọng độc lập của toàn dân tộc. Các tổ chức Việt Minh, lực lượng tự vệ và quần chúng yêu nước đã nhanh chóng phát động các cuộc mít tinh, biểu tình, tước vũ khí của lính bảo an, chiếm các công sở và tuyên bố chính quyền về tay Nhân dân.

Chỉ trong vòng 15 ngày, từ giữa đến cuối tháng 8 năm 1945, cuộc Tổng khởi nghĩa đã giành thắng lợi hoàn toàn trên phạm vi cả nước. Ngày 30/8/1945, vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị, chấm dứt hoàn toàn chế độ phong kiến kéo dài hàng nghìn năm.

Ngày 2/9/1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, trình trọng tuyên bố quyền độc lập, tự do, bình đẳng của dân tộc Việt Nam trước thế giới “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam, quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy*”. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời - đánh dấu sự mở đầu kỷ nguyên mới của dân tộc: kỷ nguyên độc lập, tự do và làm chủ vận mệnh đất nước.

3. Nguyên nhân thắng lợi

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi là kết quả tổng hòa của nhiều yếu tố, trong đó nổi bật là sự kết hợp chặt chẽ giữa thời cơ lịch sử thuận lợi với sự chuẩn bị công phu, bài bản và sự lãnh đạo sáng suốt, linh hoạt của Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

Trước hết, thắng lợi đó bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn và kịp thời của Đảng. Đường lối cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân mà Đảng xác định phù hợp với nguyện vọng của đại đa số Nhân dân. Đảng đã thể hiện tầm nhìn chiến lược và năng lực tổ chức thực tiễn xuất sắc khi chỉ đạo toàn dân nổi dậy đúng thời điểm, nhanh chóng giành chính quyền trong cả nước với tinh thần: “Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập”.

Thứ hai, thắng lợi Cách mạng Tháng Tám là thành quả của quá trình chuẩn bị lâu dài, toàn diện về chính trị, tổ chức, tư tưởng và lực lượng vũ trang. Từ phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, các cuộc vận động Dân chủ, Cao trào kháng Nhật cứu nước đến việc thành lập Mặt trận Việt Minh, tổ chức các đội vũ trang, xây dựng căn cứ địa, mở rộng lực lượng quần chúng... Đảng đã dày công chuẩn bị để

sẵn sàng chớp lấy thời. Việc chủ động phát động khởi nghĩa từng phần trước khi tổng khởi nghĩa cũng thể hiện sự nhạy bén và linh hoạt trong chỉ đạo cách mạng.

Thứ ba, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là kết quả của tinh thần yêu nước, truyền thống bất khuất và khát vọng độc lập, tự do cháy bỏng của toàn thể dân tộc Việt Nam. Nhân dân ta, dưới ngọn cờ đoàn kết của Mặt trận Việt Minh, đã nhất tề đứng dậy ở cả ba miền, từ miền xuôi đến miền ngược, từ thành thị đến nông thôn, từ đất liền đến hải đảo. Đây là biểu hiện sinh động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, yếu tố nội sinh mang tính quyết định đối với thắng lợi của cách mạng.

Thứ tư, thắng lợi Cách mạng Tháng Tám diễn ra trong bối cảnh Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc với sự thất bại hoàn toàn của phát xít Đức và phát xít Nhật. Đảng ta đã đánh giá đúng thời cơ "ngàn năm có một" và phát động toàn dân đứng lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên cả nước.

4. Ý nghĩa lịch sử

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, mở ra một bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc ta. Thắng lợi ấy đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp hơn 80 năm, ách thống trị của phát xít Nhật gần 5 năm và lật nhào ngai vàng phong kiến ngự trị hàng thế kỷ ở nước ta, dẫn đến sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - nhà nước do Nhân dân lao động làm chủ.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỷ nguyên mới của dân tộc: Kỷ nguyên độc lập - tự do; kỷ nguyên Nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh dân tộc; kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, Đảng ta trở thành một đảng cầm quyền, chuẩn bị những điều kiện tiên quyết cho những thắng lợi tiếp theo.

Cách mạng Tháng Tám không chỉ có ý nghĩa đặc biệt đối với lịch sử Việt Nam mà còn mang tầm vóc thời đại, có ý nghĩa quốc tế sâu sắc. Thắng lợi ấy đã cổ vũ mạnh mẽ các dân tộc thuộc địa và các lực lượng bị áp bức trên thế giới đứng lên đấu tranh vì độc lập, tự do, dân chủ và tiến bộ xã hội. Với thắng lợi đó, dân tộc Việt Nam không chỉ giành được độc lập mà còn khẳng định vị thế và con đường phát triển của mình trong dòng chảy của lịch sử thế giới hiện đại.

II. THÀNH TỰU NỔI BẬT SAU 80 NĂM XÂY DỰNG, BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

1. Giành chiến thắng vĩ đại trong các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế

Sau thắng lợi vẻ vang của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời trong bối cảnh đầy cam go, thách thức. Chính quyền cách mạng còn non trẻ phải đối diện với muôn vàn khó khăn, hiểm nguy, đứng trước tình thế "ngàn cân treo sợi tóc", thù trong giặc ngoài đan xen. Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo trực tiếp, sáng suốt, kiên định của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn thể dân tộc Việt Nam đã đoàn kết một lòng, phát huy cao độ

tinh thần tự lực, tự cường, bản lĩnh và trí tuệ sáng tạo, vững vàng vượt qua những ghềnh thác cam go của lịch sử.

Giai đoạn 1945-1946, Đảng và Bác Hồ đã lãnh đạo toàn dân thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ: xây dựng chính quyền cách mạng và bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám. Cuộc Tổng tuyển cử ngày 6/01/1946 được tổ chức thành công, Quốc hội khóa I ra đời; Hiến pháp dân chủ đầu tiên được ban hành; chính quyền cách mạng không ngừng củng cố; các phong trào xóa nạn mù chữ, diệt “giặc đói”, “giặc dốt”, “giặc ngoại xâm” được phát động sôi nổi; các thế lực phản cách mạng bị trấn áp. Trước âm mưu xâm lược lần thứ hai của thực dân Pháp, đêm 19/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ ra “Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến” với quyết tâm: “Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!”.

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Đảng đã lãnh đạo Nhân dân ta đánh bại từng bước các chiến lược của thực dân Pháp. Đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ năm 1954 - một bản anh hùng ca vĩ đại, “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, buộc Chính phủ Pháp phải ký Hiệp định Giơnevơ, công nhận các quyền dân tộc cơ bản của Nhân dân ta, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến 9 năm trường kỳ chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

Tuy nhiên, sau đó đế quốc Mỹ can thiệp sâu hơn vào miền Nam, thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới. Trước tình thế đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kiên quyết thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc - xây dựng hậu phương lớn cho cả nước, và cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam - đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là bản anh hùng ca của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX. Trải qua 21 năm trường kỳ, gian khổ và oanh liệt (1954 - 1975), Đảng ta đã lãnh đạo Nhân dân hai miền đất nước giành thắng lợi từng bước trước các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ. Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa nỗ lực phục hồi và phát triển kinh tế, thực hiện nghĩa vụ hậu phương lớn, không ngừng chi viện cho tiền tuyến miền Nam. Đại thắng mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc thắng lợi trọn vẹn cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau ngày thống nhất, đất nước ta tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn to lớn. Một mặt, chúng ta phải khẩn trương khắc phục hậu quả nặng nề của hơn ba thập kỷ chiến tranh, ổn định đời sống Nhân dân, củng cố chính quyền cách mạng và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Mặt khác vừa chiến đấu bảo vệ biên giới, bảo vệ độc lập, chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; đồng thời làm tròn nghĩa vụ

quốc tế cao cả giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng và tiến hành công cuộc hồi sinh đất nước.

Trong khi kiên cường đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, nước ta còn phải đối mặt với tình trạng bị bao vây, cấm vận kéo dài từ bên ngoài; đồng thời, cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp không còn phù hợp, làm phát sinh nhiều hạn chế, bất cập trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Trong điều kiện đầy khó khăn ấy, Đảng vẫn giữ vững vai trò lãnh đạo, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, từng bước vượt qua trở lực, nhanh chóng khôi phục kinh tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và chủ quyền quốc gia, tạo nền tảng để chuyển hướng chiến lược trong tư duy phát triển.

Mười năm sau thống nhất (1975-1985) là giai đoạn đầy thử thách. Đó là thời kỳ Đảng ta từng bước tìm tòi con đường đổi mới, tư duy phát triển dần được hình thành từ thực tiễn sinh động của cách mạng Việt Nam. Những thành tựu cũng như những khó khăn, hạn chế trong thời kỳ này đã để lại những bài học quý báu, đặt nền móng tư tưởng và thực tiễn cho công cuộc Đổi mới toàn diện do Đảng khởi xướng từ năm 1986.

2. Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong công cuộc đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội

- Một quốc gia có chế độ chính trị độc lập, có chủ quyền lãnh thổ và tự quyết định con đường phát triển của mình

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 giành thắng lợi đã mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Sự kiện ngày 2/9/1945 với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á đã chấm dứt vĩnh viễn chế độ phong kiến, kết thúc hơn 80 năm bị đô hộ. Từ đây, dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Tiếp nối thắng lợi ấy, ngày 06/01/1946, cuộc Tổng Tuyển cử toàn quốc lần đầu tiên được tổ chức theo nguyên tắc dân chủ, tiến bộ, với 333 đại biểu Quốc hội được Nhân dân cả nước tín nhiệm bầu ra. Quốc hội khóa I đã thông qua Hiến pháp năm 1946, xác lập nền tảng pháp lý nhà nước kiểu mới, khẳng định chính quyền của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân - có đầy đủ tư cách đại diện cho đất nước trên trường quốc tế.

Sau ba thập kỷ tiếp tục trường kỳ kháng chiến, đỉnh cao là Đại thắng mùa Xuân năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, non sông thu về một mối. Hội nghị Trung ương 24 (tháng 9/1975) xác định nhiệm vụ hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước. Kết quả, ngày 25/4/1976, hơn 23 triệu cử tri (98,8 % tổng số) tham gia Tổng Tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước. Tại kỳ họp đầu tiên, Quốc hội quyết nghị đặt tên nước là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng, Quốc ca là "Tiến quân ca", Quốc huy mang dòng chữ "Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam", quyết định Hà Nội là Thủ đô và đổi tên Thành phố Sài Gòn thành Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc hoàn tất thống nhất đất nước về mặt nhà nước đã tạo điều kiện chính trị căn bản để huy động, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, mở đường cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới; khẳng định quyền tự quyết của Nhân dân Việt Nam trên con đường kiên định độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh, hùng cường.

- Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ

Ngay từ khi ra đời tháng 2/1930, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kiên định con đường xã hội chủ nghĩa. Cương lĩnh chính trị đầu tiên được Hội nghị thành lập Đảng thông qua, nêu mục tiêu chiến lược “làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập” để “tiến tới xã hội cộng sản”. Tiếp đó, Luận cương chính trị tháng 10/1930 chỉ rõ: cách mạng Việt Nam “bỏ qua giai đoạn tư bản, trực tiếp tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa”. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã xóa bỏ ách thực dân, phong kiến, mở ra kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - kỷ nguyên mà Nhân dân làm chủ xã hội và chính cuộc sống của mình.

Tại Đại hội II (tháng 2/1951), Luận cương cách mạng Việt Nam lần đầu tiên trình bày những điều kiện và phương hướng quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trải qua hai thập kỷ chiến tranh giải phóng và kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đó tiếp tục được củng cố và phát triển. Bước ngoặt đổi mới toàn diện do Đại hội VI (tháng 12/1986) khởi xướng đã được lý luận hóa bằng việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cùng tổng kết thực tiễn cách mạng trong nước, đã tạo nền tảng cho tư duy mới về thời kỳ quá độ.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội do Đại hội VII (tháng 6/1991) thông qua và Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) được Đại hội XI phê chuẩn, là những mốc quan trọng đánh dấu quá trình hoàn thiện về lý luận. Tám đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa được xác định trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) giúp Đảng nhận thức sâu sắc hơn về dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân; về mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, coi chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế là trung tâm; về con người và văn hóa là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh của phát triển; về sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với mở rộng quan hệ quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại.

Từ Đại hội VII đến Đại hội XIII, đường lối đổi mới được bổ sung, hoàn thiện, tiếp tục khẳng định: kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động; đồng thời nhấn mạnh yêu cầu đổi mới đồng bộ, toàn diện trên mọi lĩnh vực, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thành quả đổi mới gần bốn thập kỷ qua chứng minh tính đúng đắn và sáng tạo của con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam: kinh tế duy trì tốc độ tăng trưởng khá cao, đời sống Nhân dân được cải thiện rõ rệt, vị thế và uy tín quốc tế của đất

nước không ngừng nâng cao. Những kết quả ấy khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại, đồng thời minh chứng cho sự phát triển ngày càng sáng tỏ của nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Nền kinh tế thoát khỏi tình trạng trì trệ, khủng hoảng, kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình

Giai đoạn 1945-1954 là thời kỳ đầu tiên xây dựng nền kinh tế mới ở Việt Nam, đồng thời cũng là giai đoạn gian khổ nhất trong lịch sử phát triển đất nước. Trong bối cảnh vừa giành được chính quyền, lại phải bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, nhiệm vụ xây dựng và cải tạo nền kinh tế được triển khai trong điều kiện hết sức khó khăn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã từng bước chuyển đổi nền kinh tế tàn dư của chế độ thực dân, phong kiến vốn lạc hậu, lệ thuộc, thành một nền kinh tế dân chủ, độc lập, phục vụ trực tiếp cho sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

Từ năm 1955 đến năm 1975, đất nước bị chia cắt làm hai miền với hai mô hình kinh tế - xã hội khác nhau. Ở miền Bắc, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ kinh tế phù hợp với từng thời kỳ: từ khôi phục và hàn gắn vết thương chiến tranh (1955 - 1957), đến hoàn thành cải cách ruộng đất, cải tạo quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa (1958 - 1960), rồi chuyển sang phát triển kinh tế kết hợp chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng hậu phương lớn cho tiền tuyến miền Nam trong điều kiện chiến tranh khốc liệt (1961 - 1975).

Giai đoạn 1976 - 1985, sau khi đất nước thống nhất, cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đây là thời kỳ mà công cuộc cải tạo, xây dựng và phát triển kinh tế được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Nhân dân cả nước tích cực triển khai kế hoạch 5 năm lần thứ hai (1976 - 1980) và kế hoạch 5 năm lần thứ ba (1981 - 1985). Tuy đã đạt được một số kết quả bước đầu trong khôi phục sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhưng nhìn chung nền kinh tế vẫn còn nhiều yếu kém. Những hạn chế của cơ chế quản lý tập trung, bao cấp kéo dài, cùng những khó khăn từ bên ngoài đã khiến nền kinh tế rơi vào tình trạng trì trệ, mất cân đối, thậm chí có những biểu hiện của khủng hoảng nghiêm trọng.

Trước yêu cầu cấp thiết của thực tiễn, từ năm 1986, Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế. Với việc từng bước xóa bỏ cơ chế bao cấp, phát triển kinh tế nhiều thành phần, vận hành cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế nước ta đã có những chuyển biến tích cực. Đến năm 1995, các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1991-1995) đều hoàn thành và vượt mức, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo đà chuyển sang giai đoạn phát triển mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ một đất nước nghèo nàn, lạc hậu, chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh và bao vây cấm vận, Việt Nam từng bước vươn lên trở thành một quốc gia đang phát triển có thu nhập trung bình. Tính đến năm 2024, quy mô nền kinh tế Việt Nam xếp

thứ 32 thế giới, thuộc nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài. Thành quả ấy là minh chứng sinh động cho tầm vóc, trí tuệ và bản lĩnh của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta trong hành trình vượt qua khó khăn, khơi dậy nội lực, tranh thủ thời cơ, hội nhập sâu rộng và phát triển bền vững.

- Văn hóa phát triển đa dạng, phong phú, dân tộc, khoa học, đại chúng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trở thành nguồn lực phát triển đất nước

Nhận thức của Đảng và Nhà nước, của Nhân dân về vai trò của văn hóa trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày càng đầy đủ và nâng cao. Sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đã có chuyển biến tích cực, đạt kết quả quan trọng. Tư duy lý luận về văn hóa có bước phát triển; nhận thức về văn hóa của các cấp, các ngành và toàn dân được nâng lên. Đời sống văn hóa của Nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Sản phẩm văn hóa, văn học nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; công nghệ thông tin, nhất là thông tin đại chúng có bước phát triển mạnh mẽ. Nhiều phong trào, hoạt động văn hóa đạt được những kết quả cụ thể, thiết thực; phát huy được truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, cộng đồng... Xã hội hóa hoạt động văn hóa ngày càng được mở rộng, góp phần đáng kể vào việc xây dựng các thiết chế văn hóa. Nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể được bảo tồn, tôn tạo; nhiều phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số được nghiên cứu, sưu tầm và phục dựng; hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh của Nhân dân được quan tâm. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường, thể chế văn hóa từng bước được hoàn thiện. Đội ngũ làm công tác văn hóa, văn nghệ có bước trưởng thành; quyền tự do sáng tạo của văn nghệ sĩ được tôn trọng. Giao lưu và hợp tác quốc tế về văn hóa có nhiều khởi sắc.

- Hệ thống chính sách xã hội được xây dựng và ngày càng hoàn thiện

Từ năm 1986 đến nay, cùng với quá trình thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, lĩnh vực xã hội đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Nhận thức và quan điểm của Đảng ta về chính sách xã hội ngày càng được hoàn thiện và phát triển thành một hệ thống nhất quán, với nội dung cốt lõi là: tăng trưởng kinh tế luôn phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển vì con người, đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển.

Chính sách xã hội đúng đắn, nhân văn, vì hạnh phúc của Nhân dân được xác định không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực to lớn, khơi dậy và phát huy mọi tiềm năng sáng tạo trong toàn xã hội, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đảng ta khẳng định rõ trách nhiệm của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị và mọi người dân trong việc thực hiện và giải quyết các vấn đề xã hội theo hướng xã hội hóa mạnh mẽ, trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt, bảo đảm công bằng, hiệu quả và bền vững.

Những định hướng này hướng tới mục tiêu xây dựng một hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao trùm, bền vững - nơi mọi người dân đều được bảo đảm an toàn về

thu nhập, việc làm, sức khỏe, giáo dục, nhà ở và các dịch vụ cơ bản, qua đó khẳng định bản chất ưu việt của chế độ ta và củng cố niềm tin xã hội đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước trong sự nghiệp phát triển đất nước.

- Bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị - xã hội, trật tự an toàn xã hội và môi trường hòa bình để tập trung xây dựng và phát triển đất nước

Bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, là tiền đề căn bản để giữ gìn thành quả cách mạng, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định cho công cuộc phát triển đất nước nhanh và bền vững. Đây cũng chính là một trong những thành tựu lớn nhất, toàn diện và bền vững nhất trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh trong suốt 80 năm qua.

Dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước và sự đồng lòng của toàn dân tộc, chúng ta đã kiên quyết, kiên trì giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới quốc gia, biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Đồng thời, luôn giữ thế chủ động chiến lược, xử lý linh hoạt, sáng tạo các tình huống phức tạp, nhạy cảm về quốc phòng - an ninh; làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, phản động, nhất là trên không gian mạng, trong các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, dân tộc, tôn giáo và quyền con người.

An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; môi trường hòa bình, ổn định lâu dài cho phát triển đất nước được bảo đảm. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc, được xây dựng đồng bộ, hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở. Năng lực phòng thủ của đất nước, nhất là tại các khu vực trọng yếu chiến lược, ngày càng được tăng cường. Lực lượng vũ trang nhân dân không ngừng được củng cố, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, luôn tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Việt Nam kiên định đường lối quốc phòng toàn dân, nền quốc phòng mang tính hòa bình, tự vệ, không tham gia liên minh quân sự, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Đường lối ấy đã nâng cao uy tín, vị thế quốc tế của Việt Nam, góp phần củng cố niềm tin chiến lược, tạo dựng hình ảnh một đất nước yêu chuộng hòa bình, có trách nhiệm và chủ động hội nhập, hợp tác quốc phòng - an ninh, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc bằng sức mạnh tổng hợp. Đặc biệt, trước những thách thức an ninh phi truyền thống ngày càng gia tăng (dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, khủng bố, an ninh mạng...), chúng ta đã nâng cao năng lực ứng phó, điều phối hiệu quả các nguồn lực, huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân để giữ vững ổn định, củng cố niềm tin và tạo nền tảng vững chắc cho quá trình đổi mới, phát triển đất nước.

Thành tựu nổi bật trong bảo vệ Tổ quốc suốt 80 năm qua không chỉ là giữ gìn chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng, mà còn là giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa,

bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ, đồng thời tạo thế và lực mới để Việt Nam hội nhập sâu rộng, nâng cao vị thế, uy tín trên trường quốc tế, khẳng định bản lĩnh và trí tuệ của một dân tộc kiên cường, độc lập và sáng tạo trong thời đại mới.

- Công tác đối ngoại đã góp phần duy trì, củng cố môi trường hòa bình ổn định, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa

Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời hình thành đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, mềm dẻo, tranh thủ tối đa sự đồng tình của bạn bè quốc tế để bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, ngoại giao Việt Nam kiên trì “lấy chính nghĩa thắng cường quyền”, khôn khéo kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, ngoại giao, tạo lập mặt trận du luận rộng rãi ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của Nhân dân ta.

Từ đầu thập niên 1950, hoạt động đối ngoại được triển khai có hệ thống trên ba kênh bổ trợ lẫn nhau: đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân. Cơ chế phối hợp liên hoàn ấy đã làm phong phú phương thức vận động quốc tế, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và sau đó là công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bước sang thời kỳ đổi mới, trong bối cảnh trật tự thế giới biến chuyển sâu sắc, Đại hội VII (1991) xác lập phương châm “đa phương hóa, đa dạng hóa” với tinh thần: Việt Nam muốn là bạn, là đối tác tin cậy của tất cả các nước, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển. Đại hội IX và các Đại hội sau tiếp tục khẳng định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa, lấy lợi ích quốc gia - dân tộc và hòa bình, hợp tác, phát triển làm điểm tương đồng.

Nhờ kiên định đường lối ấy, Việt Nam đã bình thường hóa và thúc đẩy quan hệ với các đối tác then chốt, gia nhập ASEAN, WTO, CPTPP và ký EVFTA, RCEP...; thiết lập mạng lưới đối tác toàn cầu; thiết lập và duy trì quan hệ ngoại giao với 194/194 nước thành viên Liên hợp quốc; thiết lập và nâng cấp nhiều mối quan hệ lên đối tác chiến lược và đối tác toàn diện; thiết lập quan hệ hữu nghị, hợp tác sâu rộng với 5 nước Ủy viên Thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp quốc, toàn bộ G7 và 17/20 nước G20; khẳng định vai trò, uy tín trên các diễn đàn đa phương; tích cực tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình; triển khai hiệu quả ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa..., góp phần quan trọng duy trì môi trường hòa bình, bảo vệ chủ quyền, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

3. Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đặt nền móng đầu tiên cho chế độ nhà nước kiểu mới ở nước ta - Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Bản Hiến pháp năm 1946 - bản Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước ta - thể hiện rõ yêu cầu về một nhà nước dân chủ, pháp quyền. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền đã được khẳng định ngay từ thời điểm đó: chủ

quyền lập hiến thuộc về Nhân dân; bộ máy nhà nước phải là công cụ thực hiện ý chí, nguyện vọng của Nhân dân; cán bộ, công chức không được là “ông quan cách mạng” mà phải là “công bộc của dân”, lấy hạnh phúc của Nhân dân làm mục tiêu phục vụ. Pháp luật không phải công cụ trừng trị mà là phương tiện bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân.

Tư tưởng cốt lõi đó đã được Đảng kế thừa và từng bước hoàn thiện trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng. Đại hội VII của Đảng (năm 1991) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã lần đầu tiên xác định những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công rõ ràng giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp. Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (năm 1994) chính thức đưa nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vào văn kiện Đảng. Các Đại hội IX (2001), X (2006) tiếp tục khẳng định và bổ sung nội dung này.

Đến Đại hội XI (năm 2011), Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Những định hướng này được cụ thể hóa trong Hiến pháp năm 2013 và nhiều đạo luật quan trọng về tổ chức bộ máy nhà nước. Đại hội XIII của Đảng (năm 2021) tiếp tục khẳng định rõ: xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng là nhiệm vụ trọng tâm của công cuộc đổi mới hệ thống chính trị.

Qua các kỳ Đại hội, cùng với thực tiễn lãnh đạo, nhận thức và tư duy lý luận của Đảng về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng được bổ sung, phát triển toàn diện và sâu sắc hơn. Theo đó, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không chỉ tiếp thu các giá trị tiến bộ chung của nhân loại, mà còn mang những đặc trưng phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện đầy đủ những nguyên lý căn bản của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, từ bản chất, nguyên tắc tổ chức, cơ cấu vận hành, phân công quyền lực nhà nước đến vai trò của pháp luật trong xã hội và sự lãnh đạo của Đảng.

Công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng. Nhận thức lý luận về mô hình nhà nước này ngày càng đầy đủ, thống nhất hơn. Hệ thống pháp luật được xây dựng ngày càng đồng bộ, thống nhất, bảo đảm tính khả thi trong thực tiễn. Vai trò của pháp luật và việc thực thi pháp luật được coi trọng trong hoạt động của cả hệ thống chính trị và đời sống xã hội.

Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp ngày càng rõ ràng và hiệu quả hơn. Bộ máy nhà nước được tổ chức tinh gọn, hoạt động ngày càng hiệu lực, hiệu

quả. Quốc hội tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động, nâng cao chất lượng lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Chính phủ tích cực, chủ động trong điều hành, tập trung quản lý vĩ mô, cải cách hành chính, tháo gỡ điểm nghẽn, phục vụ phát triển đất nước. Cải cách tư pháp được đẩy mạnh; các cơ quan tư pháp từng bước được hoàn thiện về tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động, bảo đảm nguyên tắc pháp quyền trong xét xử và thực thi công lý. Các quyền con người, quyền công dân được hiến định và ngày càng được cụ thể hóa bằng pháp luật và triển khai hiệu quả trên thực tế. Dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp tiếp tục được phát huy. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từng bước đổi mới phương thức hoạt động, đóng góp thiết thực vào việc thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân.

Mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ” đang ngày càng hoàn thiện, trở thành nền tảng vững chắc góp phần vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

III. PHÁT HUY THÀNH QUẢ, KINH NGHIỆM TRONG 80 NĂM QUA, TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN, ĐỒNG BỘ CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, ĐƯA ĐẤT NƯỚC VỮNG VÀNG TIẾN VÀO KỶ NGUYÊN MỚI, KỶ NGUYÊN GIÀU MẠNH, VĂN MINH, THỊNH VƯỢNG

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang nỗ lực triển khai Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), Hiến pháp năm 2013, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và các nghị quyết Trung ương mới nhất - trọng tâm là “ba đột phá chiến lược, sáu nhiệm vụ trọng tâm, mười hai nhóm giải pháp lớn” - nhằm đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; kiên quyết giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; duy trì môi trường hòa bình, ổn định, phát huy tối đa mọi nguồn lực, động lực, đặc biệt là khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để phát triển nhanh, bền vững; không ngừng nâng cao đời sống Nhân dân; rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến trong khu vực, nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế; phấn đấu sớm đưa Việt Nam trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại và vươn lên tầm nước công nghiệp hiện đại vào giữa thế kỷ XXI.

Việt Nam hôm nay bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng của dân tộc - với cơ hội và thách thức đan xen. Phát huy bài học quý báu từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, quyết tâm xây đất nước phồn vinh, hạnh phúc, hiện thực hóa Di chúc thiêng liêng của Bác Hồ: “... xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh...”. Để biến khát vọng đó thành hiện thực, cần kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lý luận về đường lối đổi mới; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đẩy mạnh toàn diện,

đồng bộ công cuộc đổi mới; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng. Gắn kết chặt chẽ tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận với xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đồng thời cần giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khai thông mọi nguồn lực, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của đất nước, trong đó:

- Tập trung ưu tiên xây dựng đồng bộ thể chế phát triển, tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông, huy động mọi nguồn lực tạo động lực phát triển bứt phá đất nước; bảo đảm sự đồng bộ, hài hòa giữa đổi mới, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với hoàn thiện thể chế chính trị; với đổi mới, hoàn thiện thể chế xã hội, thể chế văn hóa và thể chế bảo vệ môi trường sinh thái, thể chế quốc phòng, an ninh và đối ngoại đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước.

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; đổi mới đồng bộ phương thức và nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, nhất là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tập trung xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên các cấp, nhất là cấp chiến lược thật sự có đức, có tài, ngang tầm nhiệm vụ. Tăng cường kiểm soát quyền lực trong Đảng và trong Nhà nước; tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; củng cố niềm tin, sự gắn bó của Nhân dân với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất mới; đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, lấy khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo làm động lực chủ yếu để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh xây dựng và thúc đẩy có hiệu quả chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng. Phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Xây dựng chính phủ số, xã hội số.

- Tập trung xây dựng, hoàn thiện và thực hiện có hiệu quả chiến lược phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng bộ với xây dựng và hoàn thiện thể chế khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo nền tảng cho phát triển lực lượng sản xuất mới, hiện đại; đẩy mạnh đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao, tạo động lực then chốt nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế.

- Phát triển nguồn lực con người, phát triển văn hóa thực sự trở thành nền tảng, sức mạnh nội sinh, động lực to lớn cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước. Tiếp tục đổi mới đồng bộ, căn bản, toàn diện, hiện đại hóa và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục quốc dân. Đẩy mạnh đổi mới phương thức quản lý phát

triển xã hội bền vững, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện tốt các chính sách xã hội, an sinh xã hội, phúc lợi xã hội.

- Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác đối ngoại; nâng tầm và phát huy vai trò đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân trong việc kiến tạo môi trường hòa bình, ổn định, hữu nghị, hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước. Tiếp tục xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của đất nước.

Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bầu không khí toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nô nức thi đua chào mừng Đại hội XIV của Đảng là dịp để chúng ta khắc sâu hơn nữa ý nghĩa lịch sử to lớn của những ngày mùa thu năm 1945 - khi dân tộc ta vùng lên giành lấy quyền làm người, làm chủ đất nước. Đó cũng là lời nhắc nhở về trách nhiệm hôm nay: tiếp nối tinh thần bất khuất, khát vọng độc lập - tự do - hạnh phúc của cha ông, hun đúc bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam, đổi mới mạnh mẽ và sáng tạo không ngừng, quyết tâm hiện thực hóa khát vọng dựng xây một nước Việt Nam phát triển toàn diện và bền vững trong kỷ nguyên mới.

BAN TUYÊN GIÁO VÀ DÂN VẬN TRUNG ƯƠNG